Tác Giả: GS.TS. Nguy□n Ti□n H□ng
Thứ Ba, 25 Tháng 5 Năm 2010 05:15

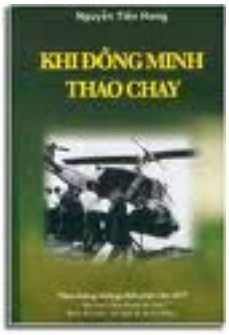

Cu□c Chi□n Vi□t
Nam

KHI Đ□NG MINH THÁO CH□Y

Ph□n□ IV - Ch□□ng 14
R□□C C□A N□ HAY Đ□□C C□A CÓ?

Ai không mu□n di t□n ng□□i Vi□t?

Đám đông c□ ùn ùn leo t□□ng vào toà đ□i s□ M□, c□nh r□i lo□n đã b□t đ□u trông th□y. L□i có tin đ□n toà đ□i s□ s□p b□ pháo kích đêm nay. Bao v□n đ□ đang di□n ra ngay tr□□c m□t.

Lúc đó là m□t gi□ sáu phút ngày 29-4- 1975. Trí óc Đ□i s□ Martin r□i b□i. Gi□i pháp chính tr□ cho Mi□n Nam mà ông đã theo đu□i c□ tháng nay v□a tan bi□n nh□ mây khói khi phi tr□□ng Tán S□n Nh□t b□ pháo kích. Cho t□i lúc này, ông v□n còn ôm m□t hy v□ng th□m kín, đó là n□u t□□ng D□□ng Văn Minh thành công thì Toà đ□i s□ M□ v□n có th□ còn đ□□c duy trì □ Sài gòn, tuy ch□ là m□t toà đ□i s□ nho nh□. Đang khi hình □nh phi tr□□ng Tân S□n Nh□t l□n v□n trong đ□u ông, m□t ng□□i tu□ viên v□i b□□c t□i: "Th□a ông Đ□i s□, có đi□n t□ văn phòng T□ng th□ng Ford". Ông Martin v□i vàng m□ ra đ□c. Sau bao nhiêu yêu c□u, g□n nh□ năn n□, ông đang ch□ đ□i T□ng th□ng cho thêm tr□c thăng đ□ di t□n s□ ng□□i Vi□t đã vào đ□y toà đ□i s□ (1).

Ai ng□ l□i là chuy□n tr□i □i đ□t h□i: Đ□ng lý Văn phòng Donald Rumsfeld (đ□□ng kim T□ng tr□□ng qu□c phòng c□a T□ng th□ng George W. Bush) không nói gì t□i vi□c g□i thêm tr□c thăng l□i còn yêu c□u ông Đ□i s□ cho ng□□i t□i cao □c hãng IBM đ□ b□c đi trên m□t trăm nhân viên và gia đình h□, r□i dùng tr□c thăng s□n có đ□ cho di t□n (2).

Martin b□c t□c ch□i th□ và l□ đi, không tr□ l□i. S□p t□i gi□ th□ hai m□□i t□ r□i. Theo k□ ho□ch c□a Washington thì đáng l□ chính ông Đ□i s□ cũng đã ph□i ra đi t□ m□y hôm tr□□c. Nh□ng ông Martin đã c□ tình níu l□i, ông câu gi□ đ□ giúp di t□n thêm ng□□i Vi□t nam càng nhi□u càng hay, và ph□n nào ông v□n còn hy v□ng vào m□t gi□i pháp chính tr□ đ□ M□ ra đi đ□ m□t m□t.

Nh□ng k□ ho□ch chung quanh vi□c di t□n ng□□i M□ và Vi□t nam đ□t đ□u đã đ□□c gi□ h□t s□c bí

Tác Giả: GS.TS. Nguy□n Ti□n H□ng
Thứ Ba, 25 Tháng 5 Năm 2010 05:15

m□t, r□i l□i n□a kín n□a h□, t□i lúc h□ ra là giây phút tranh giành, trèo t□□ng toà đ□i s□, l□n x□n, g□n nh□ h□n lo□n.
Đ□ tìm hi□u thêm v□ cu□c di t□n, chúng tôi đã t□i t□n nhà Đ□i s□ Martin đ□ thăm vi□ng và yêu c□u ông k□ l□i cho rành m□ch nh□ng gì đã x□y ra bên trong Toà đ□i s□ vào nh□ng ngày gi□ cu□i.

Ông Đ□i s□ cu□i cùng

Chúng tôi đ□n thăm ông vào m□t bu□i chi□u mùa hè năm 1985, m□□i năm sau lúc g□p ông l□n cu□i □ Sài gòn. V□ h□u, ông c□ ng□ và chăm sóc m□y cháu gái t□i Winston-Salem, m□t thành ph□ nh□ thu□c North Carolina. Ông sinh ngày 22 tháng Chín năm 1912 trong m□t gia đình sùng đ□o □ Mars Hill m□t làng nh□ cũng □ ti□u bang này. Cha ông là m□t m□c s□ đ□o Baptist. Đ□o này r□t th□nh □ mi□n Nam và là m□t đ□o giáo r□t nghiêm ng□t, đ□c bi□t là v□ r□□u chè. Có nhi□u qu□n g□i là "dry counties" (nh□ng qu□n khô) vì Ch□ nh□t không đ□□c bán bia, r□□u. Cha ông c□m ông u□ng r□□u nh□ng ông l□i r□t thích u□ng "Martini". Tuy nhiên khi nào u□ng thì ông cũng thú th□t vì cha ông đã d□n: "N□u ta luôn nói s□ th□t thì không bao gi□ c□n nh□ xem mình đã nói gì" (3). Ông còn gi□ nhi□u m□t đi□n quan tr□ng v□ liên l□c Vi□t-M□ vào giai đo□n k□t thúc. "Tôi mu□n nói ra đ□t cu□i cùng v□ nh□ng gì đã x□y ra" ông tâm s□.
North Carolina là ti□u bang quen thu□c vì có đ□i h□c North Carolina Wesleyan College là n□i chúng tôi b□t đ□u gi□ng d□y môn kinh t□ h□c t□ tháng Tám năm 1963. Carolina cũng là g□ch n□i gi□a tôi v□i ông Martin khi ông làm đ□i s□ t□i Vi□t nam. M□i khi g□p ông, tôi th□□ng b□t đ□u b□ng nh□ng câu chuy□n vui v□ dân tình, phong t□c và đ□i s□ng North Carolina, v□ nh□ng tr□n đ□u bóng gi□a Đ□i h□c Virginia, tr□□ng tôi h□c, v□ Wake Forrest College, tr□□ng c□a ông. Bây gi□ ông đã v□ h□u, không còn trách nhi□m n□a, không còn lo nghĩ n□a nên th□y ông tho□i mái và t□□i t□n h□n lúc còn □ Sài gòn, dù đã già đi nhi□u.
Vào làm vi□c cho Chính ph□ t□ năm 1933, ông thăng ti□n nhanh và gi□ nhi□u ch□c v□ quan tr□ng. Tr□□c khi nh□m ch□c t□i Vi□t nam, ông làm Đ□i s□ □ Thái Lan t□ năm 1963. Lúc đó ông đã ch□ng vi□c M□ mang quân vào Vi□t nam. T□i năm 1966 đang khi nhi□u thanh niên M□ bi□u tình ch□ng đ□i, ng□□i con nuôi mà gia đình ông vô cùng yêu quý, c□u Glenn sang Vi□t nam và t□ tr□n khi lái tr□c thăng trên vùng cao nguyên. Có l□ vì v□y mà ông đã đ□i h□n thái đ□.
M□□i năm tr□□c khi tr□ l□i vi□ng thăm ông, sáng ngày 15-4-1975 tôi g□i đi□n t□m bi□t ông đ□ lên máy bay đi công tác t□i Washington. Tr□□c khi ch□m d□t cu□c đi□n đàm, tôi h□i:
"Ông Đ□i s□ nghĩ th□ nào v□ tình hình kh□n tr□□ng lúc này?"
"Tôi nghĩ ch□c s□ có m□t th□i gian n□a h□u có th□ đi t□i gi□i pháp chính tr□".
"Ông nghĩ tôi nên làm vi□c t□i Washington đ□ bao lâu?"
"Kho□ng m□t tu□n…"
"T□m bi□t ông Đ□i s□".
"Chúc ông đi bình an, khi tr□ v□ nh□ g□i tôi ngay, tôi r□t mu□n g□p l□i ông s□m".
Ông ti□p tôi và anh b□n Jerold Schecter (đ□ng tác gi□ cu□n "H□ s□ m□t Dinh Đ□c L□p") m□t cách c□i m□, khác h□n phong thái ngày tr□□c. Lúc □ Vi□t nam, trông ông lúc nào cũng dè d□t, kín đáo, th□m l□ng. Ng□□i ta cho là ông còn l□nh lùng h□n Đ□i s□ Ellsworth Bunker, ng□□i đ□□c g□i là ông "Đ□i s□ t□ l□nh". T□ng th□ng Thi□u thì g□i ông b□ng m□t bí danh: "Ông Cà phê". Ngày tr□□c □ Sài gòn có cà phê Pháp "Martin" n□i ti□ng.
"Đ□i s□ còn nh□ d□n tôi g□i l□i khi v□ t□i Sài gòn không?"
Ông nhìn tôi v□i đôi m□t đăm chiêu, xa v□ng. Nh□c l□i câu này d□□ng nh□ đã kh□i l□i cho ông nh□ng ngày gi□ kinh hoàng c□a 10 năm v□ tr□□c. V□i nh□ng c□m xúc □y ch□c cũng ch□a b□t đi m□c đ□ nóng b□ng đ□i v□i ông. "Tôi đâu có ng□ t□i m□t k□t thúc th□m th□□ng nh□ v□y".
Chúng tôi b□t đ□u câu chuy□n "ph□ng v□n" thân m□t. Ông tâm s□ nhi□u v□ nh□ng khía c□nh chính tr□, ngo□i giao, và v□ cu□c chi□n Vi□t nam. Khi nói t□i cu□c di t□n, ông th□ dài r□i b□ng

Tác Giả: GS.TS. Nguy□n Ti□n H□ng
Thứ Ba, 25 Tháng 5 Năm 2010 05:15

nhiên im l□ng: "Thôi thì ít nh□t tôi cũng đã làm đ□□c m□t chút gì cho nhân dân anh". Ông mu□n nói t□i nh□ng c□ g□ng v□□t m□c vào ngày gi□ chót đ□ giúp m□t s□ ng□□i Vi□t di t□n, nhi□u h□n g□n g□p ba s□ ng□□i Washington đ□nh c□u.

Ông nói là trong cu□c đ□i, ông cũng t□ng có nhi□u kinh nghi□m v□ di t□n: "Ngay t□ 1939 tôi đã nghiên c□u xem nh□ng lý do nào đ□a t□i tình tr□ng h□n lo□n c□a cu□c di t□n nh□ng đoàn ng□□i t□ Paris xu□ng Bordeaux. R□i đ□u th□p niên 1950, vì có trách nhi□m bao trùm c□ khu v□c Âu châu nên tôi ph□i tham d□ EUCOM và SHAPE trong k□ ho□ch phòng h□ đ□ di t□n ng□□i M□ kh□i Âu châu. Vì v□y tôi đã hi□u là □ trong hoàn c□nh còn yên □n thì m□t chi□n d□ch di t□n cũng đã ph□c t□p đ□n ch□ng nào, mà s□ yên □n đó đâu có còn kéo dài đ□□c bao lâu n□a □ Sài gòn lúc □y, tr□ khi có nh□ng bi□n pháp đ□ phòng l□i đa nh□m tránh s□ h□n lo□n".

Tranh đ□u cho Mi□n Nam

M□t trong nh□ng bi□n pháp đ□ phòng là l□y c□m tình c□a ng□□i Vi□t nam. V□ vi□c này ông đã b□t đ□u ngay t□ khi m□i đ□n Sài gòn.

Ông đ□□c b□ nhi□m làm Đ□i s□ vào tháng B□y, 1973, sau Hi□p đ□nh Paris. Lúc đ□u ông Thi□u r□t dè d□t. V□i b□n tính đa nghi, nghe th□y nói ông Martin là ng□□i đã ch□ng vi□c đem quân vào Vi□t nam, ông Thi□u phân vân không bi□t r□i ông này có ph□i là m□t Henry Cabot Lodge th□ hai hay không.

Đ□i s□ Lodge là ng□□i đã đ□ng đ□ng sau cu□c đ□o chính ông Di□m năm 1963. Khi Martin nh□m ch□c vào hè 1973, tình hình bang giao Vi□t-M□ l□i r□t căng th□ng. Ông Kissinger l□i v□a m□i kiêm ch□c Ngo□i tr□□ng. Tuy nhiên, s□ nghi ng□ c□a ông Thi□u đ□i v□i v□ tân đ□i s□ đã s□m tiêu tan. Ch□ sau ba b□n l□n ti□p xúc, ông Thi□u nh□n ra r□ng Martin là m□t ng□□i □ng h□ Vi□t nam. Lý do chính là ông mu□n b□o v□ uy tín c□a Hoa k□: không nh□ mang trên n□a tri□u quân vào chi□n đ□u mà l□i đ□ Mi□n Nam s□p đ□ quá nhanh. M□t khác ông cũng không mu□n tr□ thành ng□□i ph□i "đ□ v□" □c. Nh□ng viên ch□c khác làm h□ng đ□i s□, đ□n l□□t ông l□i ph□i th□c hi□n công tác d□p ti□m sao?

Hút thu□c lá liên t□c và làm vi□c r□t khuya t□i căn phòng nh□ □ t□ th□t, ông là ng□□i s□ng nhi□u v□ n□i tâm, lúc nào cũng ch□ng ch□c, dè d□t. Ông r□t ít giao thi□p v□i các Đ□i s□ khác, tr□ Đ□i s□ Pháp Merillon. Hai toà đ□i s□ l□i □ sát bên nhau. Lúc nào ông Martin cũng tr□m l□ng, l□i th□i m□t mình. Nhân viên toà đ□i s□ khó t□i g□n ông và đã ch□ trích ông r□t nhi□u.

V□a nh□m ch□c thì Đ□i s□ Martin đã có tin Qu□c h□i bàn cãi vi□c c□t vi□n tr□ cho Mi□n Nam. Th□ là m□t m□t ông tìm m□i cách tr□n an ông Thi□u, m□t m□t ông không ng□ng bi□n h□ cho Vi□t nam c□ng hoà t□i Washington. Vào th□i đi□m đó, ông là m□t trong vài viên ch□c Hoa k□ duy nh□t còn nghĩ t□i Mi□n Nam. Là b□n c□a T□ng th□ng Nixon, ông đã đ□□c Nixon ph□c ch□c cho ông trong ngành ngo□i giao. Năm 1967 lúc còn làm Đ□i s□ □ Thái Lan, ông b□ Ngo□i tr□□ng Dan Rusk cho v□ ng□i ch□i x□i n□□c vì quá b□□ng b□nh, ch□ng vi□c M□ mang không quân vào Thái Lan. M□t năm sau th□ng c□, Nixon đ□ b□t ông làm Đ□i s□ t□i Ý. Ông tin là quan h□ cá nhân c□a ông v□i T□ng th□ng giúp ông y□m tr□ Vi□t nam trong th□i h□u chi□n.

Đ□u hè 1974, khi th□y vi□n t□□ng Nixon ph□i t□ ch□c đã rõ, ông h□t s□c lo âu. T□ tháng Sáu 1974, th□nh tho□ng ông m□i tôi dùng c□m tr□a t□i t□ th□t đ□ bàn v□ nh□ng v□n đ□ xoay quanh vi□n tr□ M□. "Hay là đ□ tôi đ□ ngh□ T□ng th□ng Thi□u g□i ông sang làm Đ□i s□ □ Washington đ□ cùng làm vi□c v□i tôi", có l□n ông g□i ý. "Ch□c không đâu, vì tôi đã □ M□ quá lâu r□i", tôi ch□i ngay. Bi□t là chúng tôi đã có g□p g□ th□□ng ngh□ sĩ Kennedy lúc còn □ đ□i h□c, l□i là c□u sinh viên c□a Schlesinger, T□ng tr□□ng qu□c phòng và có quen bi□t gia đình M□c s□ Elson, Tuyên uý Th□□ng Vi□n M□, nên ông Martin đ□ ngh□ là dù không tr□ v□ Washington tôi cũng nên b□t tay v□i ông tranh đ□u cho vi□n tr□.

Tháng B□y, 1974 ông v□ Washington c□ thuy□t ph□c Qu□c h□i Hoa k□. Trong m□t bu□i đi□u

Tác Giả: GS.TS. Nguy□n Ti□n H□ng
Thứ Ba, 25 Tháng 5 Năm 2010 05:15

tr□n, ông đã trình bày m□t hình □nh l□c quan v□ Vi□t nam, và b□ nhi□u ng□□i ch□ trích (4).
Sau khi Mi□n Nam s□p đ□, năm 1976 ông l□i ra đi□u tr□n t□i Qu□c h□i, v□n không thay đ□i l□p tr□□ng. Lúc chúng tôi g□p l□i ông m□□i năm sau, ông còn nh□c l□i: "N□u không b□ c□t h□t vi□n tr□ thì Mi□n Nam v□n còn kh□ năng t□n t□i, dù là m□t Mi□n Nam thu h□p" (4).
Vào lúc Mi□n Nam s□p đ□, tr□□c h□t ông đã ra ch□ th□ cho George Jacobson, Ph□ tá đ□c bi□t v□ đi□u hành □ Toà đ□i s□ là ph□i dùng toàn b□ ph□□ng ti□n tài chính, máy bay, tàu, sà lan c□a toà đ□i s□ □ kh□p m□i đ□a đi□m đ□ giúp c□ quân l□n dân di t□n t□ Đà N□ng và Nha Trang (5).
Sau đó đã tránh s□ h□n lo□n có th□ x□y ra □ Sài gòn (xem Ch□□ng sau). Đ□ng th□i đã giúp t□ n□n m□t s□ ng□□i Vi□t đ□t đ□u tiên, g□n g□p ba l□n Washington d□ tính.
T□i nh□ng ngày cu□i cùng, khi đ□□c l□nh ph□i di t□n ng□□i M□, ông ch□n ch□ kéo dài th□i gian di t□n ng□□i M□ vì bi□t rõ là m□t khi ng□□i M□ cu□i cùng đã ra kh□i mi□n Nam thì ch□ng còn ng□□i Vi□t nào đ□□c b□c đi n□a.
"Đ□i s□ gi□ tài li□u m□t b□ đi□u tra", đó là đ□u đ□ c□a t□ Washington Post ngày 13 tháng Chín, 1978, g□n ba năm r□□i sau khi Mi□n Nam s□p đ□. Bài này nói v□ vi□c Đ□i s□ Martin gi□ l□i toàn b□ tài li□u m□t đã đ□□c l□u □ toà đ□i s□ t□i Sài gòn. Căn nhà ông □ t□□ng đ□i cũng nh□, ít ch□ l□n đ□ x□p đ□ đ□c, nên khi v□ h□u, ông đã đ□ m□t s□ h□p h□ s□ trong thùng xe h□i đ□u tr□□c nhà. Đ□n khi xe b□ m□t tr□m, ông báo cho c□nh sát North Carolina. Lúc c□nh sát tìm đ□□c và m□ thùng xe ra thì l□i thay toàn là tài li□u đóng d□u "T□i m□t" (Top Secret). FBI phóng xe đ□n đi□u tra ông.
Khi đăng tin này, toà báo có ph□ng v□n ông Frank Snepp tác gi□ cu□n "Decent Interval" v□ ông c□u Đ□i s□. Ông Snepp tr□ l□i: "Ông ta nói v□i tôi là ông mu□n gi□ l□i nh□ng tài li□u này đ□ có th□ nói l□i cu□i cùng v□ Kissinger".
Th□ nh□ng, ch□a k□p nói thì ông Martin đã t□ tr□n.
Th□t là m□t may m□n mà tôi đ□□c g□p l□i và nghe nh□ng l□i th□ l□ t□ tâm huy□t c□a v□ Đ□i s□ M□ cu□i cùng □ Mi□n Nam và đ□□c ông cung c□p m□t s□ tài li□u l□ch s□.

Ai là ng□□i đ□□c ch□n?

Khi Pháp rút lui h□i 1954, dù M□ không dính dáng tr□c ti□p vào chi□n tranh Đông D□□ng thì cũng đã giúp di t□n đ□□c m□t tri□u ng□□i t□ B□c vào Nam m□t cách tr□t t□. Th□i gian di t□n còn kéo dài đ□□c 300 ngày. Lúc M□ rút năm 1975 sau 10 năm tr□c ti□p tham chi□n v□i h□n n□a tri□u binh sĩ, ch□ng nh□ l□i cu□n gói ra đi m□t mình?
Sau đây là chi ti□t v□ di□n ti□n cu□c di t□n mà Đ□i s□ Martin k□ l□i, cũng gi□ng nh□ ông đã đi□u tr□n t□i Qu□c h□i vào tháng 1,1976 (xem Ph□ L□c F) (6):
Tho□t đ□u, căn b□n là Hoa k□ ch□ mu□n di t□n ng□□i M□ ra kh□i Mi□n Nam cho nhanh, h□u nh□ ch□ng ai □ Washington mu□n dính t□i ng□□i Vi□t, ngo□i tr□ thân nhân c□a công dân M□, m□t s□ ch□n l□c nh□ng ng□□i đã c□ng tác v□i M□, và m□t s□ r□t nh□ viên ch□c cao c□p Vi□t nam;
Đ□u năm 1975 (đ□c bi□t là t□ tháng Ba), Washington đã có l□nh cho di t□n nhân viên làm vi□c t□i văn phòng Tu□ viên qu□c phòng DAO (Defense Artache Office). Văn phòng này đ□□c thành l□p sau Hi□p đ□nh Paris đ□ th□ MACV (Military Assistance Command, Vietnam), nh□ng ch□ đ□c trách v□ ti□p v□n;
Tu□n đ□u tháng T□, Đ□i s□ Martin nh□n đ□□c l□nh "gi□m b□t" cho nhanh s□ ng□□i M□ còn □ l□i;
Tr□□c ngày 14-4, t□c là ch□ còn hai tu□n tr□□c khi s□p đ□, toà đ□i s□ ch□ có quy□n c□p gi□y phép "t□m dung" (parole authority) cho 2.000 tr□ m□ côi đ□□c di chuy□n b□ng máy bay vào M□;
Ngày 14-4, toà đ□i s□ ch□ nh□n đ□□c quy□n cho t□m dung thân nhân ng□□i M□ nh□ng ph□i theo nh□ng đi□u ki□n ràng bu□c h□t s□c ch□t ch□: đó là ch□ nh□ng thân nhân đang có m□t t□i Vi□t nam c□a nh□ng ng□□i M□ cũng đang có m□t t□i Vi□t nam;
Ngày 19-4, toà đ□i s□ nh□n đ□□c quy□n cho t□m dung, quy□n này đ□□c n□i r□ng chút đ□nh,

Tác Giả: GS.TS. Nguy□n Ti□n H□ng
Thứ Ba, 25 Tháng 5 Năm 2010 05:15

nh□ng cũng ch□ bao g□m nh□ng thân nhân c□a công dân M□ và nh□ng ng□□i Vi□t nam th□□ng trú (có th□ xanh) dù không có m□t t□i Vi□t nam nh□ng v□i đi□u ki□n là h□ đã đ□□c thân nhân xin visa cho và đã đ□□c s□ Di trú ch□p thu□n;
Sau cùng, mãi t□i ngày 25-4, t□c là năm ngày tr□□c khi Sài gon th□t th□, toà đ□i s□ m□i nh□n đ□□c quy□n cho t□m dung thêm các bà con, thân nhân c□a công dân M□ (kho□ng 80.000 ng□□i) và 50.000 ng□□i Vi□t nam có "m□c r□i ro cao đ□", t□ng c□ng là 130.000 ng□□i (7).

Ch□ có 50.000 ng□□i thôi

Nh□ v□y h□t s□c rõ ràng là ch□ còn b□n ngày tr□□c lúc tri□t thoái cu□i cùng, ngoài ng□□i M□, th□□ng trú M□ và thân nhân c□a h□, Hoa k□ ch□ cho phép di t□n 50.000 ng□□i Vi□t nam, mà s□ ng□□i này ph□i thu□c v□ di□n nh□ng ng□□i có r□i ro cao đ□.
Nh□ng ai là ng□□i có m□c r□i ro cao đ□? B□ Ngo□i giao Hoa k□ đã v□ch rõ:
"Nh□ng nhân viên làm vi□c cho M□ và gia đình c□a h□;
"Thân nhân c□a công dân M□;
"Viên ch□c cao c□p trong chính quy□n Vi□t nam c□ng hoà;
và m□t s□ nh□ng ng□□i khác (đ□□c coi là) có "nguy hi□m cao đ□" vì s□ là đ□i t□□ng tr□ thù c□a C□ng s□n" (8).
Và nh□ v□y, h□u h□t các b□n đang đ□c quy□n sách này đã không ph□i là ng□□i l□t vào con s□ đ□□c ch□n.
Đó là v□ th□ t□c nh□p c□nh, th□ t□c t□m dung, v□n đã quá khó khăn. Nh□ng còn m□t khía c□nh khác: thái đ□ c□a các ngh□ sĩ, dân bi□u, quan ch□c l□i Washington đ□i v□i vi□c di t□n. N□u Qu□c h□i ch□ng thì làm sao có ngân sách di t□n?
Ngày 14-4, U□ ban Ngo□i giao Th□□ng Vi□n đ□n h□p t□i toà B□ch □c. Di□n ti□n bu□i h□p cho ta th□y thái đ□ c□a Qu□c h□i M□ đ□i v□i vi□c di t□n ng□□i Vi□t t□ n□n. Khi Kissinger trình bày là trong s□ trên m□t tri□u ng□□i đã có nh□ng liên h□ v□i M□, có 174.000 ng□□i là đ□c bi□t b□ nguy hi□m v□i C□ng s□n nên M□ ph□i c□u n□u có th□ đ□□c. Các ngh□ sĩ đ□u thoái thác. Ph□ tá Nessen k□ l□i bu□i h□p v□ di t□n đó nh□ sau (9):
Ngh□ sĩ Frank Church: "Cho di t□n 174.000 ng□□i Vi□t nam s□ có th□ ph□i c□n đ□n m□t s□ (quân đ□i) M□ r□t l□n trong m□t cu□c chi□n r□t dài";
Ngh□ sĩ Clifford Case nh□n m□nh r□ng ý ki□n chung c□a U□ ban là s□ ng□□i M□ □ Sài gòn ph□i đ□□c t□p trung l□i đ□ đ□n lúc k□t thúc có th□ di t□n ch□ b□ng m□t chuy□n bay thôi;
Ngh□ sĩ Charles Percy: "Chúng tôi không mu□n ng□□i M□ ph□i làm con tin" (đ□ di t□n ng□□i Vi□t);
Kissinger bình lu□n: "Cá nhân tôi cũng không tin r□ng ta s□ có th□ di t□n m□t s□ nh□t đ□nh nào đâu, nh□ là 174.000 ch□ng h□n. Nh□ng ta có b□n ph□n là n□u mang đ□□c ai ra thì càng nhi□u càng t□t";
T□i đây, T□ng th□ng Ford c□nh cáo các ngh□ sĩ: "N□u quý v□ tuyên b□ "không di t□n ng□□i Vi□t nam", quý v□ s□ có khó khăn l□n trong vi□c di t□n 6.000 ng□□i M□" (vì s□ g□p s□ ch□ng c□ c□a mi□n Nam)";
Ngh□ sĩ Jacob Javits tuyên b□: "Tôi không mu□n b□ phi□u c□p thêm ti□n cho m□t Chính ph□ do Thi□u lãnh đ□o, nh□ng tôi s□ tr□ b□t c□ món ti□n chu□c nào đ□ mang ng□□i chúng ta ra";
Ngh□ sĩ Joseph Biden còn nói to□c móng heo: "Tôi không mu□n tr□ b□t c□ món nào đ□ đ□a ng□□i Vi□t nam đi, ch□ tr□ khi ta không th□ mang đ□□c ng□□i M□ nào ra mà không ph□i mua 174.000 ng□□i Vi□t nam. Trong tr□□ng h□p đó, tôi s□n sàng mua 174.000 ng□□i Vi□t nam".
Sau cu□c h□p, T□ng th□ng Ford còn d□n các ngh□ sĩ ch□ đ□ cho báo chí bi□t là t□t c□ phiên h□p ch□ đ□ bàn b□c v□ chuy□n di t□n.
Quý v□ hãy nói: "Chúng tôi ch□ bàn chuy□n làm th□ nào đ□ □n đ□nh tình hình".

Tác Giả: GS.TS. Nguy□n Ti□n H□ng
Thứ Ba, 25 Tháng 5 Năm 2010 05:15

Ai không mu□n di t□n ng□□i Vi□t?

Ngày 17-4, Đ□i s□ Martin nh□n đ□□c m□t m□t đi□n, trong đó có đo□n nh□ sau (10):
Ng□□i nh□n: Martin
Đ□ m□t: T□i m□t
"Chúng tôi v□a h□p xong m□t cu□c h□p liên b□ đ□ duy□t xét tình hình mi□n Nam Vi□t nam. Ông Đ□i s□ ph□i bi□t r□ng trong phiên h□p c□a U□ ban Đ□c nhi□m Washington hôm nay, h□u nh□ không có ai □ng h□ vi□c di t□n ng□□i Vi□t và vi□c dùng quân l□c M□ y□m tr□ b□t c□ vi□c di t□n (ng□□i Vi□t) nào.
Quan đi□m chung c□a các gi□i quân s□, B□ Qu□c phòng, và CIA là ph□i rút ra cho l□ và ngay l□p t□c.
(We have just completed an interagency review on the State of play in South Vietnam. You should know that the WSAG (Washington Section Action Group) meeting today, there was almost no support for the evacuation of Vietnamese, and for the use of American force to help protect any evacuation. The sentimen of our military, DOD (Department of defense) and CIA colleagues was to get out fast and now"
V□i l□nh kh□n c□p đó, Kissinger h□i thúc Martin ph□i g□p rút ch□y cho nhanh. Ông Martin đã báo đ□ng Kissinger là n□u ch□ cho di t□n ng□□i M□ thôi thì r□t nguy hi□m. Kissinger không thèm đ□ ý, và tr□ l□i:
"M□c dù nh□ng lo ng□i nh□ Đ□i s□ đã thông báo cho tôi và tôi cũng đ□ng ý nh□ v□y, nh□ng đi□u h□t s□c c□n thi□t là yêu c□u Đ□i s□ xúc ti□n cho nhanh vi□c di t□n nh□ng công dân M□ ra kh□i Vi□t nam.
Chúng ta ph□i làm sao đ□ vào th□ Ba, 22-4, t□t c□ s□ công dân M□ dù chính th□c hay không cũng ch□ còn 2.000 tr□ l□i mà thôi".
Nh□ v□y có nghĩa là trong năm ngày, ông Martin ph□i di t□n kho□ng 4.000 ng□□i M□.
Ông ta đang cu□ng lên thì ngay hôm sau, Kissinger l□i t□ng thêm m□t l□nh m□i. Chính Kissinger đã vi□t l□i trong cu□n "Ending the Vietnam war" là ngày 18-4, theo s□ ch□p thu□n c□a T□ng th□ng, ông Martin nh□n ch□ th□ là ph□i gi□m s□ ng□□i M□ xu□ng còn ch□ còn 1.250, cũng vào ngày 22-4. Đây là s□ ng□□i đ□□c tính toán là tr□c thăng s□ có th□ b□c đi trong ch□ m□t ngày.
"S□ ng□□i M□ này, và tu□ kh□ năng có th□, nh□ng nhân viên ng□□i Vi□t làm cho M□, s□ đ□□cdi t□n t□ bãi đ□u □ Toà đ□i s□ khi Tân S□n Nh□t b□ đe do□. Và kho□ng th□i gian còn l□i (cho t□i 22-4), s□ c□ g□ng t□i đa đ□ di t□n s□ ng□□i Vi□t b□ nguy hi□m vì đã làm cho n□□c M□ (Those who had exposed themselves on America s behalf) (11).
Washington ch□ h□i thúc cho di t□n căn b□n là ng□□i M□ và m□t s□ nh□ ng□□i Vi□t làm cho M□.
V□y làm th□ nào đ□ c□u đ□□c thêm m□t s□ ng□□i Vi□t?

Câu thêm gi□

Có hàng tri□u ng□□i c□ng tác v□i M□ trong 20 năm qua, bây gi□ l□i ch□ cho di t□n 50.000 ng□□i thì làm sao coi đ□□c. Ông Martin nh□t đ□nh không ch□u.
Tr□□c h□t là ông đã "câu gi□": c□ di t□n ng□□i M□ th□t nhanh đ□ có thì gi□ di t□n thêm s□ ng□□i Vi□t. T□i Washington, khi ông Ford ra Qu□c h□i ngày 10-4 xin thêm ti□p vi□n b□ túc cho Mi□n Nam thì cu□c bàn cãi v□ Vi□t nam xoay chi□u: thay vì vi□n tr□, ch□ đ□ l□i là ch□ là di t□n. Nh□ v□y, m□t m□t Washington mu□n đ□a ng□□i M□ ra cho l□, m□t m□t ông Martin l□i mu□n kéo h□ □ l□i. Theo chính Kissinger k□, cũng trong cu□n "Ending the Vietnam war", thì Đ□i s□ Martin đã ch□n ch□ không ch□u di t□n cho nhanh vì: "Nhi□t tình g□n bó v□i nh□ng ng□□i mà ông s□p b□ b□t bu□c ph□i b□ l□i, ông Martin đã coi nh□ b□n ph□n mình là ph□i dàn ra t□ng ch□ng, cu□c rút lui c□a M□ trong m□t th□i gian dài nh□t đ□ gi□ l□i s□ có m□t c□a M□ (t□i Vi□t nam) □ m□c đ□ đ□ bào ch□a cho vi□c c□u v□t ng□□i Vi□t nam".

Tác Giả: GS.TS. Nguy□n Ti□n H□ng
Thứ Ba, 25 Tháng 5 Năm 2010 05:15

"Tin r□ng, ngay tr□□c m□t, s□ ho□ng h□t □ Saìgòn còn đáng lo ng□i h□n nh□ng k□ ho□ch t□n công c□a Hà n□i, ông ph□n đ□u đ□ cho cu□c di t□n ch□m nhi□u h□n là chính T□ng th□ng Ford, Brent Scowcroft, hay là tôi – b□n di□u hâu trong chính phú - đã cho là thích □ng" (12)

N□i r□ng th□m quy□n

Ngoài vi□c ch□n ch□, Martin còn dùng mánh khoé riêng c□a mình đ□ đi vòng. Ngày 25-4, khi nh□n đ□□c phép cho di t□n có 50.000 ng□□i, ông n□i r□ng quy□n c□a mình b□ng cách chú thích con s□ "50.000" m□t cách phóng khoáng h□n. Đi□u tr□n tr□□c Qu□c h□i (1976), ông nói:

Ngày 25-4, ch□ còn b□n ngày tr□□c lúc di t□n cu□i cùng b□t đ□u ngày 29-4. Lúc đó chúng tôi m□i nh□n đ□□c phép cho mang đi t□t c□ t□ng s□ là 50.000 ng□□i Vi□t nam - m□t con s□ quá □ là ít □i. B□i v□y tôi đã gi□i thích con s□ này là mu□n nói t□i ch□ gia đình ch□ không ph□i là t□ng s□ ng□□i. B□i v□y, dùng "ph□□ng pháp gi□i thích r□ng rãi theo l□i John Marshall", chúng tôi đã n□i th□m quy□n đ□ gi□i quy□t v□n đ□".

(On April 25, only four day before our evacuation began on April 29. Then we received authority to sen out a grand total of 50,000 Vietnamese – a number which was clearly insufficient. So I interpreted the number to include only heads of families and no the families too. So, song the John Marshal broad construction approach, we stretched the authority to cover the problem") (12).

"Hành quân gió nhanh"

Vào lúc b□n gi□ năm phút sáng Th□ Ba, ngày 29-4 (4:05 chi□u 28/4 gi□ Washington), nh□ng ho□ ti□n đ□u tiên c□a B□c Vi□t r□i trúng phi tr□□ng Tân S□n Nh□t.

Đ□i s□ Martin lên chi□c xe an ninh c□a ông và cho lái ra sân bay đ□ quan sát t□i ch□ lúc chín gi□ sáng. M□t phi c□ C-130 b□ phá hu□, hai lính Thu□ quân l□c chi□n M□ gác c□ng b□ ch□t. Các chuy□n bay di t□n ph□i ng□ng. Tuy nhiên, th□y phi c□ dù b□ h□ h□i mà còn dùng đ□□c, ông Martin l□i đi□n v□ xin T□ng th□ng cho ti□p t□c các chuy□n bay lo□i l□n. Ông Martin k□ l□i là lúc b□y gi□ 30 chi□u, ông h□p v□i H□i đ□ng an ninh Qu□c Gia (NSC) và quy□t đ□nh ch□ m□t gi□ xem pháo binh có ng□ng không, n□u ng□ng thì ông s□ cho máy bay vào ti□p t□c. "Pháo kích có ng□ng th□t", ông vi□t, "nh□ng chúng tôi l□i có m□t v□n đ□ m□i ph□i gi□i quy□t. Dân chúng ào ra t□n phi đ□o và máy bay không đáp đ□□c. Tình hình rõ ràng không th□ ki□m soát đ□□c n□a".

Trong lúc đó, các b□n xăng b□ trúng ho□ ti□n b□t l□a n□ và phát cháy h□ng h□c t□ góc tr□ s□ Hãng hàng không dân s□ Air America. T□□ng Smith (ch□ huy c□ quan DAO □ Sài gòn) đi□n thoi t□i Honolulu c□u c□u đô đ□c Gayler, T□ng T□ l□nh quân đ□i Hoa k□ □ Thái Bình D□□ng. Ông Gayler g□i Đ□i s□ Martin thông báo không th□ ti□p t□c di t□n b□ng C-130 đ□□c n□a. Mi□n c□□ng, ông Martin đ□ng ý "L□a ch□n IV", trong k□ ho□ch di t□n, v□i m□t danh "Hành quân gió nhanh" (Operation frequent wind), L□a ch□n này là ch□ dùng tr□c thăng b□c đi t□ toà đ□i s□ M□. Martin g□i Kissinger yêu c□u ông đ□ ngh□ T□ng th□ng ch□p thu□n.

Lúc 10 gi□ 51 sáng cùng ngày (10 gi□ 51 đêm 28/4, gi□ Washington), Ford h□ l□nh b□t đ□u cu□c "Hành quân gió nhanh", m□t hi□u c□a "L□a ch□n IV" (13). Đài phát thanh quân đ□i M□ □ đ□□ng H□ng Th□p T□ cho phát sóng m□t hi□u cho ng□□i M□ và m□t s□ ng□□i Vi□t liên h□ bi□t là gi□ phút di t□n cu□i cùng đã t□i.

Chi□c tr□c thăng th□ nh□t t□i toà đ□i s□ đúng hai gi□ chi□u ngày 29-4. Có hai ch□ đáp: lo□i tr□c thăng l□n - CH-53 đáp xu□ng bãi trong khu sân đ□u xe; lo□i nh□, CH-46 đáp trên nóc toà đ□i s□. Trong 16 gi□ cu□i cùng, Đ□i s□ Martin đã hét s□c kh□n kho□n nài xin thêm 30 chi□c tr□c thăng lo□i l□n CH-53 (ch□ đ□□c 50 ng□□i, nh□ng ng□i chen chúc cũng đ□□c 70). Nh□ng ông ch□ th□y l□ t□ vài chi□c lo□i nh□ CH-46 (ch□ đ□□c 20 ng□□i) bay vào! Th□y s□ máy bay vào quá ch□m và ít □i, ông Martin còn dùng lý do có s□ tr□ con lai còn b□ k□t l□i đ□ bi□n h□. Ông c□u c□u Brent Scowcroft, Chánh Văn phòng T□ng th□ng: "Có l□ ông nên c□ v□n cho tôi làm sao tôi thuy□t

Tác Giả: GS.TS. Nguy□n Ti□n H□ng
Thứ Ba, 25 Tháng 5 Năm 2010 05:15

ph□c đ□□c m□t s□ ng□□i M□ đ□ h□ b□ r□i l□i nh□ng đ□a con lai c□a h□, ho□c T□ng th□ng s□ đ□□c đánh giá nh□ th□ nào n□u ông ta ch□ th□ nh□ v□y… "Tôi c□n đ□n ch□t đ□□c (I damn well need) h□i thúc 30 chi□c CH-53 hay m□t kh□ năng t□□ng đ□□ng…"
Thúc r□i ông còn vi□n c□ r□ng trong đám ng□□i k□t l□i, có c□ m□t linh m□c M□, b□i v□y n□u không g□i thêm tr□c thăng vào mà đ□a ông ta đi thì T□ng th□ng ph□i ch□u trách nhi□m v□i lãnh đ□o Công Giáo Hoa k□: "Gi□a đám ng□□i M□ hi□n còn l□i, có c□ linh m□c Mcveigh, giám đ□c c□u tr□ Công Giáo; ngài không ch□u đi n□u nhân viên c□a ngài không đ□□c đi.
Làm sao T□ng th□ng có th□ gi□i thích cho Giám M□c Swanstrom… hay là H□ng Y Cooke đ□□c, n□u tôi b□ ông ta □ l□i, và c□ nh□ v□y, Đ□i s□ Martin g□i h□t đi□n này t□i đi□n khác cách nhau vài ch□c phút. Nh□ng ông Kissinger cũng nh□ t□ l□nh Thái Bình D□□ng đã đi t□i k□t lu□n là ông Martin đang đánh phé, gi□ ng□□i M□ l□i đ□ di t□n m□t gi□ng không đáy ng□□i Vi□t"(14).
T□i Washington, theo chính Kissinger thu□t l□i, ông và Schlesinger đã □□c tính là còn 760 ng□□i đang □ trong khuôn viên toà đ□i s□, và quy□t đ□nh g□i thêm 19 tr□c thăng, ch□ ng□n □y thôi (15). Ông Martin s□ ph□i đi chuy□n th□ 19 đ□□c k□t thúc kho□ng 3 gi□ 30 sáng.
Lúc 3 gi□ 15 sáng (30 tháng 4), m□t anh phi công chi□c CH-46 đáp xu□ng nóc toà đ□i s□ chuy□n m□t trang gi□y vi□t tay cho ông Martin do Đô đ□c Gayler g□i, ông nói là đ□□c l□nh ch□ g□i l□i thêm 19 tr□c thăng, và không g□i thêm n□a, Đ□i s□ Martin s□ ph□i đi ra chuy□n cu□i cùng. Sau này ông Gayler ti□t l□: Ông đã có th□m quy□n đ□ áp gi□i, n□u ông Đ□i s□ c□□ng l□i l□nh T□ng th□ng. Khi Phó Đ□i s□ Lehman phát hi□n ra nh□ng chi□c tr□c thăng s□ vào l□i là lo□i nh□, m□t nhân viên toà đ□i s□, đ□i tá Madison, vô cùng s□ng s□t vì ông đã h□a đi h□a l□i v□i kho□ng 420 ng□□i Vi□t còn k□t l□i □ Toà đ□i s□ là h□ s□ đ□□c mang đi h□t. Bây gi□ không có CH-53 đáp d□□i bãi đ□u □ sân n□a, ch□ có lo□i nh□ đáp trên nóc toà nhà (và ch□ có ng□□i M□ đ□□c di t□n thôi!). V□y ông Madison bi□t ăn nói làm sao v□i nh□ng ng□□i đã tin c□y vào nh□ng l□i h□a c□a ông? Madison vô cùng b□t mãn! (16).
Vài gi□ sau, toán lính Thu□ quân l□c chi□n gác toà đ□i s□ l□n vào cao □c, khoá ch□t c□a sau l□i, đ□ s□ ng□□i mu□n t□ n□n không vào đ□□c n□a. Chi□c tr□c thăng cu□i cùng, y□m tr□ b□ng sáu chi□c Cobra g□n đ□i liên, ch□ toán này c□t cánh
Tr□□c tám gi□ sáng ngày 30-4. H□ ném nh□ng h□p h□i cay xu□ng chung quanh cao □c trên đ□u s□ 420 ng□□i Vi□t đ□ng bàng hoàng ng□ ngác (17). Đám ng□□i này v□n đ□ng ch□ nh□ng chuy□n tr□c thăng không bao gi□ t□i.
Hy v□ng r□ng nh□ng th□ h□ con cháu c□a đoàn ng□□i di t□n là nh□ng ng□□i M□ mai đây s□ n□m đ□a v□ quy□n hành, s□ không bao gi□ đ□i x□ nh□ v□y đ□i v□i nh□ng đoàn ng□□i di t□n t□ các qu□c gia Đ□ng minh khác trong m□t tình hu□ng nào đó, nh□ t□ Iraq, Atghanistan, Đài Loan, Đ□i Hàn, khi Đ□ng minh c□a h□ cu□n gói ra đi.

Chú thích:

(1) David Butler, The Fall of Saigon, trang 440.
(2) Frank Snepp, Decent Interval, trang 67.
(3) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony, trang 543.
(4) Tu□n báo TIME, 4-21-1975, trang 19.
(5) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony, trang 560, 576.
(6) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony, trang 543-544; 562-563; 590-591;573, 617.
(7) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony, trang 543-544; 562-563; 590-591;573, 617.
(8) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony trang 617.
(9) Ron Nessen, It sure looks different from the inside, trang 105-106.
(10) Nguy□n Ti□n H□ng và Jerrold Schecter, The Place File, trang 328- 330.
(11) Henry Kissinger, Ending the Vietnam war, trang 541.

Tác Giả: GS.TS. Nguy□n Ti□n H□ng
Thứ Ba, 25 Tháng 5 Năm 2010 05:15

(12) Graham Martin, Vietnam Evacuation: Testimony, trang 544.
(13) Gerald Ford, A time to heal, lrang 256.
(14) David Butler. The Fall of Saigon, trang 438-439. 444.
(15) Henry Kissinger, A World Restored, trang 551-552.
(16) David Butler, The Fall of Saigon, trang 444-445.
(17) David Butler, The Fall of Saigon, trang 452; v□ vi□c này, Kissinger đã ch□i đi, nói là ông không bi□t có s□ ng□□i còn k□t l□i trong toà đ□i s□. Xem Henry Kissinger. sđd., trang 552…

h□t: Ph□n IV - Ch□□ng 14, xem ti□p:
Ph□n IV - Ch□□ng 15